TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NGÔ QUYỀN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày 19-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Văn Khang

Bà Phạm Thị Ngọc Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Loan - Thư ký Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 808/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Trần Sỹ Thái H; nơi cư trú: Đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị H1; nơi cư trú: Đường C, phường C, quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 19 tháng 9 năm 2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là anh Trần Sỹ Thái H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2009, anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo P tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 15/4/2011 tại Ủy ban nhân dân phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, lối sống, vợ chồng không có tiếng nói chung và chị H1 không chung thủy dẫn đến cuộc sống gia đình luôn căng thẳng. Hai bên gia đình đã khuyên ngăn hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Đến nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, anh Trần Sỹ Thái H đề nghị Toà án cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

- Về việc nuôi con: Anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 có hai con chung là Trần Sỹ Tuấn M, sinh ngày 13/8/2012 và Trần Sỹ Tuấn P, sinh ngày 27/5/2017. Khi ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc chia tài sản: Anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị H1 trình bày như sau:

Chị và anh H kết hôn là xuất phát từ tình cảm hai bên hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống, chị đã làm tròn trách nhiệm làm vợ, làm mẹ và làm con dâu trong gia đình, vun vén cho cuộc sống gia đình trong suốt 12 năm. Tuy nhiên, tới nay anh H muốn ly hôn với chị vì lý do không còn tình cảm thì chị không đồng ý ly hôn do muốn giữ gia đình cho chị và hai con đang trong giai đoạn trưởng thành, rất cần sự quan tâm, chăm sóc của cả bố và mẹ. Trường hợp anh H vẫn muốn ly hôn, chị đề nghị anh H phải chu cấp một khoản tiền là 500.000.000 đồng vì lý do chị là một nhân viên văn phòng bình thường, với mức lương chỉ đủ nuôi dưỡng con cái và chi phí cá nhân, sau 12 năm chung sống, vun vén cho gia đình chị không có tiền để mua nhà riêng. Nếu ly hôn chị buộc phải ra ngoài sinh sống và phải mua nhà để ổn định cuộc sống; do vậy, chị phải có số tiền này để tìm chỗ ở cho mình. Nếu anh H không đáp ứng được yêu cầu này thì chị không đồng ý ly hôn.

Ngày 13/11/2023, Tòa án đã ra Thông báo số 803/TB-TA yêu cầu chị H1 nêu rõ: Chị và anh H có tài sản chung không? Chị có yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng không? Số tiền 500.000.000 đồng chị yêu cầu anh H phải chu cấp là khoản tiền gì, có liên quan đến tài sản chung vợ chồng hay phần đóng góp

của chị trong thời kỳ hôn nhân giữa chị và anh H không? Tuy nhiên, sau khi nhận thông báo trên chị H1 không có văn bản trả lời Tòa án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng chị H1 đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Anh Trần Sỹ Thái H vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn. Về việc chia tài sản, anh và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về việc nuôi con, anh H thay đổi yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án giao cháu Trần Sỹ Tuấn M, sinh ngày 13/8/2012 cho anh trực tiếp nuôi, giao cháu Trần Sỹ Tuấn P, sinh ngày 27/5/2017 cho chị H1 trực tiếp nuôi. Việc cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị anh và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho anh Trần Sỹ Thái H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1. Về việc nuôi con, giao con Trần Sỹ Tuấn M, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Trần Sỹ Thái H trực tiếp nuôi, giao con Trần Sỹ Tuấn P, sinh ngày 27/5/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Về việc chia tài sản, anh H và chị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết. Anh H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

[1] Anh Trần Sỹ Thái H khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn là quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Chị Nguyễn Thị H1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị H1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân:

[3] Anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân theo các quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên là hôn nhân hợp pháp. Mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 qua các tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập thể hiện sau khi kết hôn, anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống. Anh H và chị H1 đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau về tình cảm và kinh tế. Xét mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình mà ở đó vợ chồng phải biết yêu thương, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, phải được xây dựng trên nền tảng tình cảm, sự nỗ lực từ hai phía của cả vợ và chồng. Trên thực tế, quan hệ hôn nhân của anh H và chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về việc nuôi con:

[4] Anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 có hai con chung là Trần Sỹ Tuấn M, sinh ngày 13/8/2012 và Trần Sỹ Tuấn P, sinh ngày 27/5/2017. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh trực tiếp nuôi còn chị H1 không có ý kiến gì về việc nuôi con. Tại phiên tòa, anh H thay đổi yêu cầu về việc nuôi con, đề nghị Tòa án giao cháu Trần Sỹ Tuấn M cho anh trực tiếp nuôi, giao cháu Trần Sỹ Tuấn P cho chị H1 trực tiếp nuôi. Xét việc thay đổi yêu cầu của anh H không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và việc giao mỗi người nuôi một con sẽ đảm bảo việc chăm sóc các con tốt hơn. Bản thân chị H1 hiện cũng có nghề nghiệp và thu nhập. Cháu Minh có nguyện vọng được ở với bố, cháu P dưới 07 tuổi nên cần chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của anh H, giao cháu Trần Sỹ Tuấn M cho anh H trực tiếp nuôi, giao cháu Trần Sỹ Tuấn P cho chị H1 trực tiếp nuôi là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự và các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc cấp dưỡng nuôi

con anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về việc chia tài sản:

[5] Anh Trần Sỹ Thái H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

+ Về án phí:

[6] Anh Trần Sỹ Thái H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; các điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Sỹ Thái H được ly hôn chị Nguyễn Thị H1.

2. Về việc nuôi con: Giao con là Trần Sỹ Tuấn M, sinh ngày 13/8/2012 cho anh Trần Sỹ Thái H trực tiếp nuôi, giao con là Trần Sỹ Tuấn P, sinh ngày 27/5/2017 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi cho đến khi mỗi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con, anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về việc chia tài sản: Anh Trần Sỹ Thái H và chị Nguyễn Thị H1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Trần Sỹ Thái H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006923 ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Anh Trần Sỹ Thái H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn anh Trần Sỹ Thái H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Cầu Đất, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKHK ngày 15/4/2011);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hảo